

Số: 69/2024/QĐST-HNGĐ

Sìn Hồ, ngày 24 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ khoản 2 Điều 149 và các Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 111/2024/TLST - HNGĐ, ngày 26 tháng 8 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Lý Thị G**, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: **Bản N, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu.**

- Anh **Chang A S**, sinh năm: 1998.

Địa chỉ: **Bản N, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16 tháng 9 năm 2024 người yêu cầu chị **Lý Thị G** và anh **Chang A S** thỏa thuận như sau:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lý Thị G** và anh **C A S** kết hôn với nhau vào ngày 13/11/2018 tại **UBND xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu** là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống với nhau hòa thuận và hạnh phúc. Đến năm 2022 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, sống không hòa hợp, đã nhiều lần ngồi trao đổi với nhau để tìm cách giải quyết

đoàn tụ nhưng không có kết quả. Vợ, chồng chị **G** và anh **S** đã sống ly thân từ năm 2022. Trong thời gian vợ, chồng sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, tình cảm vợ, chồng không còn. Trong quá trình giải quyết việc dân sự chị **G** và anh **S** không đưa ra biện pháp gì để cải thiện cuộc sống chung của vợ, chồng. Hiện tại chị **G** và anh **S** vẫn đang sống ly thân, hòa giải đoàn tụ không thành, chị **G** và anh **S** đều thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Điều đó chứng tỏ vợ, chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ, chồng không thể kéo dài. Vì vậy căn cứ khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Lý Thị G** và anh **Chang A S**.

[2]. Về con chung: Chị **Lý Thị G** và anh **C A S** thỏa thuận với nhau Anh **Chang A S** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục hai cháu **Chang A Q**, sinh ngày 16/9/2015 và **Chang Thu T**, sinh ngày 17/9/2019 đến khi hai cháu (đủ 18 tuổi). Chị **Lý Thị G** được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn không được ai cản trở.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Lý Thị G** và anh **C A S** tự thỏa thuận thống nhất không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung: Chị **Lý Thị G** và anh **Chang A S** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Khoản nợ chung: Chị **Lý Thị G** và anh **C A S** không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Chị **Lý Thị G** và anh **C A S** thỏa thuận thống nhất anh **C A S** là người chịu toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Kết quả hòa giải đoàn tụ không thành, chị **Lý Thị G** và anh **C A S** thuận tình ly hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 26/2018, ngày 13/11/2018 của **UBND xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu**.

- Về con chung: Giao hai cháu **Chang A Q**, sinh ngày 16/9/2015 và **Chang Thu T**, sinh ngày 17/9/2019 cho anh **C A S** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị **Lý Thị G** được quyền đi lại thăm nom con chung không được ai cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Lý Thị G** và anh **C A S** tự thỏa thuận thống nhất không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, khoản nợ chung: Chị **Lý Thị G** và anh **Chang A S**, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị **Lý Thị G** và anh **C A S** thỏa thuận, thống nhất: Toàn bộ lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự do anh **Chang A S** nộp. Vậy anh **S** phải nộp lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự là 300.000 và được đối trừ vào tiền tạm ứng lệ phí Tòa án mà anh **S** đã nộp 300.000 đồng vào ngày 26 tháng 8 năm 2024 theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án; Ký hiệu: BLTU/23, số: 0000640 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- CCTHADS huyện Sìn Hồ;
- UBND xã Nậm Cha;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Mạnh Trang